

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/ HS-PT

Ngày 12 - 7 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Long

Bà Vũ Thị Thanh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40 /2018/HSPT ngày 18 tháng 5 năm 2018 đối với Trương Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2018/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trương Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông T và bà M; có vợ là T và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2017, chuyển tạm giam ngày 26/12/2017, đến ngày 11/01/2018 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn G, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông C và bà K; có vợ là Y và 04 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2017, chuyển tạm giam ngày 26/12/2017, đến ngày 11/01/2018 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Văn T1, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông A và bà D; có vợ là L và 03 con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 24/12/2007, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc, đã chấp hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2017, chuyển tạm giam ngày 26/12/2017, đến ngày 11/01/2018 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn X, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông P và bà L; có vợ là T và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 24/12/2007, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc, đã chấp hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2017, chuyển tạm giam ngày 26/12/2017, đến ngày 11/01/2018 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Đỗ Văn H, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông H và bà N; có vợ là L và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 21/4/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2017, chuyển tạm giam ngày 26/12/2017, đến ngày 11/01/2018 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có 16 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 17/12/2017, tại nhà ông C, sinh năm 1961 ở thôn N, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam có Nguyễn Văn T1, Lê Quý N, Trương Văn T, Nguyễn Văn L, Trương Văn T2, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn H, Nguyễn Văn Đ, Trương Văn T1, Nguyễn Kiên Q, Lê Quý D, Nguyễn Mạnh H, Lê Chí C, Lê Quý Q, Lê Quý V, Trương Anh P, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Mạnh L, Vũ Văn L và một số người khác là những người được Nguyễn Văn G (là con ông C và ở chung nhà với ông C) mời đến ăn cơm liên hoan đầy tháng con của Nguyễn Văn G. Trong lúc ăn cơm, Trương Văn T nói “Anh em ăn nhanh xong tập thể dục tí”, ý của T là rủ mọi người tham gia đánh bạc. Sau đó, Trương Văn T nói với G

“Lấy cho cái kéo và bao thuốc lá”, G hiểu ý là để cắt quân vị nên lấy kéo và bao thuốc lá đưa cho T. Lúc này, Nguyễn Xuân Đ định lấy đầu tròn của chìa khóa đặt vào vỏ bao thuốc lá để cắt thì Nguyễn Thế A nói ‘Cần gì chìa khóa, để em cắt cho’, đồng thời A cắt 4 quân vị hình tròn rồi đặt lên bàn uống nước. Sau đó G cầm 2 chiếc bát, 1 chiếc đĩa sứ, 4 quân vị mang lên tầng 2 rồi trải chiếu để các đối tượng tham gia đánh bạc. Trương Văn T là người cái còn Nguyễn Xuân Đ, Trương Văn T2, Lê Quý D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Kiên Q, Nguyễn Mạnh H và Trương Văn Q đặt cửa đánh bạc.

Theo quy định, người cầm cái sẽ đánh bạc với tất cả những người còn lại. Người cầm cái cho quân vị vào đĩa và úp bát lại rồi cầm xóc xong đặt xuống chiếu thì người chơi chọn cửa và đặt tiền vào cửa chắn bên tay phải hoặc cửa lẻ bên tay trái người cầm cái. Sau khi người chơi đã đặt tiền và tiến hành việc mua bán xong sẽ mở bát. Nếu có 2 quân mặt vàng, 2 quân mặt trắng hoặc 4 quân mặt vàng hoặc 4 quân mặt trắng là chắn; nếu có 1 quân mặt vàng 3 quân mặt trắng hoặc 1 quân mặt trắng 3 quân mặt vàng là lẻ. Ai đặt cửa nào nếu đúng thì được bằng số tiền đã đặt, nếu không đúng thì người cầm cái sẽ được số tiền của người chơi đã đặt. Mức chơi thấp nhất là 50.000 đồng/ván/người rồi tự tăng lên 100.000 đồng/ván/người.

Khi các đối tượng trên đang đánh bạc thì lần lượt có Lê Quý N, Đỗ Văn H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn G, Vũ Văn L, Trương Anh P, Nguyễn Văn T, Lê Quý Q, Lê Quý V, Lê Chí C, Nguyễn Mạnh L, Trương Văn T1 vào tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 13 giờ 30 phút, Trương Văn T bị thua hết tiền nên Nguyễn Văn T1 cầm cái thay. Vũ Văn L, Nguyễn Xuân Đ, Trương Anh P, Lê Quý V bị thua hết tiền nên về trước. Các đối tượng trên đánh bạc đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện D phát hiện, bắt quả tang. Lợi dụng sơ hở Lê Quý Q đã bỏ chạy.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu 01 chiếc chiếu nhựa đã cũ kích thước (1,8m x 1,6m). Thu trên chiếu số tiền 5.300.000 đồng, 01 đĩa sứ, 02 bát con bằng sứ và 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba; thu trên bàn kê ở tầng một 01 chiếc kéo có chuôi nhựa màu đen; thu trên người các đối tượng Lê Quý N số tiền 3.200.000 đồng, Trương Văn T số tiền 2.300.000 đồng, Nguyễn Văn L số tiền 700.000 đồng, Nguyễn Văn T số tiền 1.800.000 đồng, Nguyễn Văn T1 số tiền 9.600.000 đồng, Đỗ Văn H số tiền 290.000 đồng, Nguyễn Văn Đ số tiền 1.500.000 đồng, Nguyễn Văn G số tiền 100.000 đồng, Trương Văn T1 số tiền 220.000 đồng, Nguyễn Kiên Q số tiền 600.000 đồng, Lê Quý D số tiền 60.000 đồng, Nguyễn Mạnh H số tiền 2.600.000 đồng và Lê Chí C số tiền 1.530.000 đồng. Ngoài ra còn thu trên người Lê Quý V số tiền 450.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 29.880.000 đồng.

Ông C, Lê Quý V có mặt khi lực lượng Công an bắt quả tang nhưng không tham gia đánh bạc và ông C đã can ngăn không cho các đối tượng đánh bạc; Nguyễn Thế A có hành vi cất 4 quân vị nhưng không tham gia đánh bạc và không biết các đối tượng sẽ sử dụng quân vị đánh bạc như thế nào. Vì vậy không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với những người này.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 11/4/2018, Tòa án nhân dân huyện D đã: Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 BLHS 1999 đối với tất cả các bị cáo. Áp dụng riêng điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS đối với bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T1, Lê Quý N, Nguyễn Văn L, Trương Văn T2, Nguyễn Văn Đ, Trương Văn Quý, Nguyễn Kiên Q, Lê Quý D, Nguyễn Mạnh H, Lê Chí C, Lê Quý Q, Lê Quý V, Trương Anh P, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Mạnh L và Vũ Văn L. Áp dụng riêng Điều 33 Bộ luật hình sự đối với Trương Văn T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn H và Trương Văn T1.

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T, Trương Văn T1, Đỗ Văn H và 16 bị cáo khác phạm tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt Trương Văn T 15 tháng tù, được trừ 26 ngày đã giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 14 tháng 04 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T, Trương Văn T1 và Đỗ Văn H, mỗi bị cáo 12 tháng tù, được trừ 26 ngày đã giam giữ. Nay mỗi bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 11 tháng 04 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, về án phí, xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định, ngày 18/4/2018 các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T, Trương Văn T1 và Đỗ Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Văn T, Trương Văn T1 và Đỗ Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo trên; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án

treo của bị cáo Nguyễn Văn G, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Văn G, Trương Văn T1, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như trong nội dung bản án sơ thẩm. Lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng và các chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 17/12/2017, tại nhà ông C ở thôn N, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam, sau khi ăn cơm liên hoan đầy tháng con bị cáo Nguyễn Văn G (ông C là bố bị cáo G và ở chung nhà), các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Văn G, Trương Văn T1, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn H và 16 bị cáo khác cùng nhau đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Đến 15 giờ cùng ngày, trong lúc các bị cáo đang sát phạt nhau thì bị Công an huyện D bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 29.880.000 đồng.

Như vậy, với hành vi nêu trên, bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 11/4/2018, Tòa án nhân dân huyện D đã tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Văn G, Trương Văn T1, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn H và 16 bị cáo khác phạm tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Văn G, Trương Văn T1, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự địa phương. Vụ án có nhiều đồng phạm, trong đó bị cáo Trương Văn T có vai trò chính, là người khởi xướng và là người cầm cái; bị cáo Nguyễn Văn G trực tiếp tham gia đánh bạc và có hành vi giúp sức là cho bị cáo khác vay tiền để đánh bạc; các bị cáo Trương Văn T1, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H có nhân thân xấu. Do đó cần phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Trương Văn T và Trương Văn T1 xuất trình thêm tài liệu chứng minh có bác ruột là liệt sỹ, bố bị cáo T1 tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân chương; bị cáo Nguyễn Văn G là dân quân tự vệ xã, được Ban chỉ huy quân sự huyện D tặng giấy khen và có ông nội tham gia kháng chiến được tặng thưởng huy chương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới,

được quy định tại khoản 2 Điều 46 bộ luật hình sự năm 1999 mà các bị cáo được hưởng. Mặc dù các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo, không thể giảm hình phạt cho các bị cáo. Do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy bị cáo Trương Văn T có vai trò chính; các bị cáo Trương Văn T1, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H có nhân thân xấu nên xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo. Vì vậy, kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Trương Văn T, Trương Văn T1, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H không được chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn G có nhân thân tốt; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có tình tiết giảm nhẹ mới; có nơi cư trú rõ ràng và số tiền bị cáo dùng vào đánh bạc không lớn (600.000đồng). Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Như vậy, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn G được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo Trương Văn T, Trương Văn T1, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn G được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Văn T, Trương Văn T1, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam về hình phạt đối với bị cáo Trương Văn T, Trương Văn T1, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn G, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn G.

1. Về hình sự

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Văn G, Trương Văn T1, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Văn G, Trương Văn T1, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H.

Áp dụng thêm: Điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trương Văn T; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn G; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Trương Văn T1.

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù, được trừ 26 (Hai mươi sáu) ngày tạm giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 04 (Bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 12/7/2018.

Giao bị cáo Nguyễn Văn G cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu đang trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên.

Xử phạt bị cáo Trương Văn T1 12 (Mười hai) tháng tù, được trừ 26 (Hai mươi sáu) ngày tạm giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 04 (Bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù, được trừ 26 (Hai mươi sáu) ngày tạm giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 04 (Bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 12 (Mười hai) tháng tù, được trừ 26 (Hai mươi sáu) ngày tạm giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 04 (Bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về án phí

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án: Các bị cáo Trương Văn T, Trương Văn T1, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn G không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện D;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Phòng NVHS Công an tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải